

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 391/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 21-6-2021.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Nhơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Văn Nghĩa**

2/ Ông **Đặng Thị Thùy Nga**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 684/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt-có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp TT, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 31/7/2020, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:**

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau vào tháng 8 năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến

năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N mê cờ bạc, gây nợ nần, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh đã nhiều lần khuyên can nhưng chị N không từ bỏ cờ bạc. Anh và chị N đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Trần Thị Kim A, sinh năm 1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng chị N không cung cấp cho Tòa án ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của anh S, không tham dự các hợp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S, chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3] Xét yêu cầu của anh Trần Văn S:

Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị N chung sống với nhau từ năm 1988 cho đến nay. Anh S và chị N có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng đã không tiến hành các thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do anh S và chị N không đăng ký kết hôn, nên hôn nhân giữa anh S và chị N không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay anh S yêu cầu ly hôn với chị N, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S và chị N.

Về con chung: Anh S và chị N có 01 con chung tên Trần Thị Kim Anh, sinh năm 1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không

đã ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án anh Trần Văn S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.
2. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003359 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.
3. Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Nhơn

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CT Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TIỀN GIANG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Văn Nhơn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Lê Văn Nghĩa**.

Bà Đặng Thị Thùy Nga

Căn cứ vào Điều 235, 264 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vào hồi 16 giờ 00 phút ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án tranh chấp: “Ly hôn” thụ lý số: 684/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020.

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã Tân Hương, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc hỏi tại phiên tòa và xem xét đầy đủ ý kiến của của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định các vấn đề của vụ án như sau:

1. Về Quan hệ pháp luật tranh chấp: “Ly hôn”

Kết quả biểu quyết: 3/3 (Đạt 100%).

2. Điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (đạt 100%)

3. Về nội dung:

1. Không công nhận anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về án phí: Anh Trần Văn S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003359 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3 đạt 100%.

Biên bản kết thúc 16 giờ 20 phút cùng ngày, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA